

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 18- 3 -2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 239/2018/HNGĐ-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐ-PT ngày 21/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị B**, sinh năm 1981; (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1978; (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

**** Nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:***

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn Tr quen biết, tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 107/2004, ngày 12/7/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm nhưng một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chị vẫn cố chịu đựng vì nghĩ đến các con. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cụ thể là anh Tr gia trưởng, thường xuyên gây sự, la mắng và đe dọa đánh đập chị, chị đã nhiều lần động viên nhưng anh Tr không khắc phục, vì vậy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị và anh Tr đã ly thân khoảng 02 tháng nay. Nay chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Tr có 03 người con chung tên Nguyễn Duy B, sinh ngày 05/11/2003; Nguyễn Duy B1, sinh ngày 20/6/2005 và Nguyễn Duy Diễm C, sinh ngày 20/7/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy Diễm Ch và đồng ý giao cháu Nguyễn Duy B, Nguyễn Duy B1 cho anh Tr nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

* *Bị đơn - anh Nguyễn Văn Tr trình bày*:

- Về tình cảm: Anh Tr thống nhất về thời gian kết hôn và thời gian chung sống như chị B trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn do các anh em vợ không tôn trọng anh. Nay chị B xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Có 03 người con như chị B trình bày. Vì không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 239/2018/HNGĐ-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B đối với anh Nguyễn Văn Tr.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

* Ngày 08/11/2018, chị Trần Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị đối với anh Nguyễn Văn Tr.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Nguyễn Văn Tr mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng mâu thuẫn giữa chị B và anh Tr chưa đến mức độ trầm trọng, khả năng hàn gắn vẫn còn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn Tr vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Trần Thị B và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 107/2004, ngày 12/7/2004, nên quan hệ hôn nhân của chị B và anh Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị B trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr có tính gia trưởng, độc đoán, thường gây sự và đe dọa đánh đập chị, nhưng vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng. Nhiều lần chị khuyên can anh Tr nhưng anh Tr không sửa đổi. Lâu ngày tình cảm vợ chồng không còn, chị quyết định sống ly thân nên về nhà cha mẹ ruột sinh sống khoảng 07 tháng nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị vẫn liên lạc điện thoại với nhau nhưng chỉ đề cập đến vấn đề con cái. Nhận thấy tình cảm không còn, khả năng hàn gắn không có nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về phía anh Tr không có mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Tr cho rằng mâu thuẫn giữa hai anh chị không lớn, nguyên nhân là do các chị em bên vợ không tôn trọng anh nhưng quan trọng là anh vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 15 tháng 02 năm 2019 về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tr và chị B, chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú cho biết thời gian gần đây trong gia đình anh Tr và chị B có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có cãi vã nhau nhưng tự giải quyết, không báo với chính quyền địa phương để hòa giải. Tại phiên tòa chị B trình bày vì muốn giữ thể diện cho nhau nên anh chị tự giải quyết mâu thuẫn gia đình, không nhờ cha mẹ hai bên hoặc chính quyền địa phương hòa giải. Xét, mâu thuẫn giữa hai anh chị là có thật nhưng chưa đến mức độ trầm trọng, khả năng hàn gắn vẫn còn, anh chị chỉ mới sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Để tạo điều kiện cho anh chị có thêm thời gian suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó yêu cầu kháng cáo của chị B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm.
 Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị B.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 239/2018/HNGĐ-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B với anh Nguyễn Văn Tr.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 09225 ngày 05/9/2018 và biên lai số 09399 ngày 08/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 18 tháng 3 năm 2019, có mặt chị B, vắng anh Tr, Kiểm sát viên.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - Cc THADS huyện C;
 - Các đương sự;
 - Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy